TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2025/QĐST- DS	*K, ngày 10 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 200/2025/TLST-DS, ngày 04/12/2024, về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đ V N và Luật sư Đ M Q của Công ty luật TNHH Một thành viên Tín Đạt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số T M, quận C, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông N T B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông N T P, sinh năm 1953

- Bà L T L A, sinh năm 1957

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số N phố C, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Cùng cư trú: Tổ B (nay là Tổ H), Cụm M, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N T P là bà L T L A (theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2025)

- Ông N T Đ, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội

- Ông N T V, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội

- Bà N T H, sinh năm 1963

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số W phố V, tổ J, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội

- Bà N T P, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn F, huyện Q, tỉnh Hưng Yên

- Bà N T N, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Phòng Z, sảnh A, tòa nhà T, số K phố H, phường T, quận N, thành phố Hà Nội

- Bà N T C, sinh năm 1963

- Anh N T S, sinh năm 1986

- Chị B T G, sinh năm 1992

- Cháu N H L, sinh năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của cháu N H L là anh N T S và chị B T G (là bố mẹ của cháu)

Cùng nơi cư trú tại: Thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội.

[2]. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Các đương sự xác nhận:

[2.1.1]. Xác nhận cụ N T C chết ngày 02/6/1992, cụ V T M chết ngày 31/10/2018 không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 02/6/1992, thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 31/10/2018.

[2.1.2]. Xác nhận di sản thừa kế của cụ C và cụ M là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất:

+ Thửa 58 (1) tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã năm 1993 – 1994 diện tích 271m^2

+ Thửa đất số 58 (2) tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã năm 1993 – 1994 diện tích 200m^2, diện tích đo thực tế là 201.7m^2

+ Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, bản đồ địa chính xã năm 1993 – 1994 diện tích 361m^2, diện tích đo thực tế là 359.2m^2

+ Thửa đất số 59(1), tờ bản đồ số 14 diện tích 90m^2 (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông N T P, bà L T L A. Vợ chồng ông Y, bà L A nhận chuyển nhượng 0 đồng).

Đều có địa chỉ tại thôn Q, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội.

Giá đất và các tài sản trên đất áp dụng theo biên bản định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện K đã lập ngày 11/4/2025.

[2.1.3]. Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ N T C và cụ V T M gồm 08 người con đẻ là: Ông N T P, sinh năm 1953; Ông N T Đ (N V Đ), sinh năm 1956; Ông N T V, sinh năm 1960; Ông N T B, sinh năm 1961; Bà N T H, sinh năm 1963; Bà N T P, sinh năm 1966; Bà N T T, sinh năm 1969; Bà N T N, sinh năm 1975.

Cụ C và cụ M không có con riêng, không có con nuôi.

[2.2]. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự nội dung sau:

- Ông N T V, ông N T Đ không nhận kỷ phần thừa kế được hưởng của cụ N T C và cụ V T M;

- Bà N T H, bà N T P và bà N T N thống nhất cho bà N T T là người nhận kỷ phần thừa kế của mình và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên là N T T. Sau khi bà N T T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án, các đương sự tự thỏa thuận phân chia kỷ phần của mình cho nhau sau.

- Không yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất số 59(1), tờ bản đồ số 14 diện tích 90m^2.

- Không yêu cầu Tòa án xem xét việc thanh công sức duy trì, bảo quản di sản và thanh toán giá trị tài sản chênh lệch khi chia thừa kế, tài sản có trên đất được chia cho ai người đó được hưởng.

[2.3]. Phân chia di sản thừa kế của cụ N T C và cụ V T M theo pháp luật như sau:

[2.3.1]. Phân chia quyền sử dụng đất: xác nhận giá đất được tính theo biên bản định giá tài sản lập ngày 11/4/2025 là 17.000.000 đồng/m^2

- Ông N T B được hưởng thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, diện tích 361m^2 (diện tích đo thực tế là 359.2m^2) trị giá 6.106.400.000 đồng.

- Ông N T P được hưởng thửa đất số 58 (1) tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2 trị giá 4.607.000.000 đồng

- Bà N T T được hưởng thửa đất số 58 (2) tờ bản đồ số 14, diện tích 200m^2,

diện tích đo thực tế là 201.7m^2 trị giá 3.428.900.000 đồng.

Theo dự án đo đạc tổng thể các thửa đất này là thửa số 63, 61 và 57, tờ bản đồ 59 đều là đất ở nông thôn.

[2.3.2]. Thỏa thuận xử lý tài sản trên đất:

- Ông N T B và vợ là bà N T C sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất số 59, tờ bản đồ số 14, diện tích 361m^2 (diện tích đo thực tế là 359.2m^2) gồm: nhà 3 tầng kiên cố, diện tích 78,4m^2, nhà cấp 4 mái tôn, diện tích 21,7m^2, sân lát gạch 100m^2, cổng sắt, 1 lán mái tôn diện tích 87m^2; Cây: 1 cây xoài, 2 cây mít, 8 cây bưởi, tường bao (toàn bộ tài sản trên đất do vợ chồng ông B, bà C tạo lập). Trị giá tài sản trên đất là: 571.573.000 đồng.

- Ông N T P và vợ là bà L T L A sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất số 58 (1) tờ bản đồ số 14, diện tích 271m^2 gồm: 01 nhà cấp 4 mái lợp Broxi măng diện tích 31,1m^2; 1 cổng sắt có trụ gạch diện tích 5.9m^2; tường rào: 43,7m^2; Cây: 06 cây mít và 17 cây bưởi. Trị giá tài sản trên đất = 34.956.000 đồng (làm tròn).

- Bà N T T được sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất số 58 (2) tờ bản đồ số 14, diện tích 200m^2, diện tích đo thực tế là 201.7m^2 gồm: Có 1 phần nhà cấp 4 (góc nhà) của ông Y và bà L A, 02 cây mít, 6 cây bưởi. Trị giá tài sản trên đất: 5.252.608 đồng. Bà T có quyền tháo dỡ phần góc nhà cấp 4 và chịu trách nhiệm xây lại phần tường nhà cho ông Y và bà L A theo "Biên bản thỏa thuận" lập ngày 04/6/2025 của bà L T L A, bà N T T, bà N T H, bà N T P và bà N T N.

(Số đo cụ thể và diện tích của từng thửa đất và tài sản gắn liền với đất được thể hiện tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo Quyết định này).

[2.4]. Các đương sự đã thực hiện cắm mốc giới và bàn giao trên thực địa quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Quyết định này cho nhau xong (có biên bản bàn giao).

[3]. Ông N T B, ông N T P và bà N T T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định của Tòa án và theo quy định của pháp luật về đất đai

[4]. Về án phí:

Ông N T P, bà L T L A, ông N T B và bà N T C đều đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.212.378 đồng nhưng được trừ 7.235.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0065668, ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, bà T còn phải nộp 42.977.378 đồng.

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự

Thẩm phán

- VKSND TP. Hà Nội
- VKSND H. K
- Chi cục THADS H. K.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thái Thị Hà Thu